

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày 28/9/2023
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nga
2. Bà Đặng Thị Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07 và 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 16/8/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm: 1978. (có mặt)

Địa chỉ: **Tổ C, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Phương T**, sinh năm: 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Quốc D**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.** (có đơn xin vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **Đinh Thị Mười H**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.** (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Phạm Văn M** trình bày:

Ngày 13/11/2018 (Âm lịch), ông **Phạm Văn M** cho bà **Nguyễn Phương T**, trú tại địa chỉ: **Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất 4.000.000 đồng/tháng (4%/tháng), thời gian trả là 01 tháng. Bà **T** có viết và ký giấy vay số tiền trên. Sau khi nhận tiền thì bà **T** không trả nợ cho ông. Mặc dù ông đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo đòi nợ cho bà **T** nhưng bà **T** cố tình tránh né không trả một khoản tiền nào cho ông. Đồng thời ông **M** khẳng định việc vay tiền nêu trên chồng bà **T** là ông **Lê Quốc D** không có mặt và không biết nhưng ông yêu cầu ông **D**, bà **T** liên đới có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông. Vì ông cho rằng bà **T** mượn số tiền trên làm ăn chung trong gia đình và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà **Nguyễn Phương T** đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà **T** vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

* Tại bản tự khai ngày 13/8/2019, ông **Lê Quốc D** trình bày nội dung sau: Ông và bà **T** đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giò. Trong thời gian còn là vợ chồng, sáng ông đi làm (trông giữ nhà chim yến cho người ta), tối về ăn cơm, vệ sinh cá nhân rồi đi làm tiếp. Giữa hai vợ chồng ít nói chuyện đến nhau, công chuyện ai nấy làm. Việc bà **T** mượn tiền của ông **M1** thì ông không biết nên ông **D** không chấp nhận và ông **D** có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án, vì lý do sức khỏe và điều kiện công việc nên không thể đến Tòa án được.

* Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 16/5/2019, người làm chứng bà **Đinh Thị Mười H** khai: Vào ngày 13/11/2019, bà **T** qua nhà bà **Mười H** hỏi vay tiền thì bà **Mười H** nói bà có mượn của ông **M** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và bà chuẩn bị đem trả cho ông **M**, nên bà không có tiền cho bà **T** mượn. Cùng lúc này bà **Mười H** cùng bà **T** qua nhà ông **M** thì bà **Mười H** trả cho ông **M** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Lúc đó bà **T** có hỏi vay ông **M** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà **Mười H** nói giúp bà **T** với ông **M**, nếu ông **M** giúp được thì cho bà **T** mượn đỡ vài ngày bà **T** sẽ trả lại. Sau một lúc nói chuyện, ông **M** đồng ý cho bà **T** mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà **T** nhận và đếm đủ tiền. Đồng thời viết giấy mượn tiền, ông **M**, bà **T** cùng ký tên và bà **Mười H** có ký tên người làm chứng. Nội dung giấy mượn tiền ghi ông **M** cho bà **T** vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hạn 01 tháng bà **T** hoàn trả ông **M** tiền vốn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000 đồng/tháng (4%/tháng). Kể từ đó đến nay, bà **Mười H** không biết gì thêm. Đồng thời bà **Mười H** có nộp đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án, vì lý do sức khỏe nên không thể đến Tòa án được. Bà **Mười H** cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của bà trước pháp luật.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Phạm Văn M**. Buộc bị đơn bà **Nguyễn Phương T** có nghĩa vụ trả một lần cho ông **M** số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông **Phạm Văn M** và bị đơn bà **Nguyễn Phương T**. Do bị đơn cư trú tại: **Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn khởi kiện được làm trong thời hiệu quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định:

Ông **Phạm Văn M** tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà **Nguyễn Phương T** tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Bà **T** đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ nhiều lần triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà **T** vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **T** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông **Lê Quốc D** (chồng bà **T**) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Tại bản tự khai ngày 13/8/2019, ông **D** có lời khai trực tiếp với Tòa án. Việc vắng mặt của ông **D** không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách

quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **D** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà **Đinh Thị Mười H** tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Bà **Mười H** có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trước đó ngày 16/5/2019, bà **Mười H** có lời khai trực tiếp với Tòa án. Việc vắng mặt của bà **Mười H** không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Mười H** theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông **Phạm Văn M** yêu cầu bà **Nguyễn Phương T** và ông **Lê Quốc D** có trách nhiệm liên đới trả cho ông **M** số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà **T**, người có thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ đã trực tiếp tổng đạt, niêm yết hợp pháp giấy triệu tập và các tài liệu có liên quan đến vụ án nhưng bà **T** không đến Tòa án và không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông **M**, cho thấy về ý thức của bà **T** mặc nhiên thừa nhận có vay số nợ trên của ông **M**.

Xét yêu cầu của ông **M** đòi bà **T** trả số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với các Điều 463, Điều 465, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bởi việc ông **M** cho bà **T** vay tiền là có thật, điều này được thể hiện tại giấy biên nhận tiền ngày 13 tháng 11 năm 2018 (Âm lịch) giữa ông **M** với bà **T** có ký tên xác nhận, thể hiện nội dung bà **T** có vay của ông **M** số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tình tiết này không cần phải chứng minh. Tuy nhiên đến nay bà **T** chưa thanh toán cho ông **M** là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã giao kết.

Việc ông **M** yêu cầu ông **D** (chồng bà **T**) có trách nhiệm liên đới trả cho ông **M** số tiền trên nhưng ông **M** không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà **T** mượn tiền sử dụng vào công việc chung của vợ chồng ông **D**, bà **T**. Đồng thời người làm chứng bà **Mười H** có lời khai việc mượn tiền chỉ có bà **T**, không có ông **D** có mặt tại thời điểm mượn tiền. Việc này thể hiện trên giấy mượn tiền ngày 13/11/2018, giữa ông **M**, bà **T** và người làm chứng bà **Mười H** ký. Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ đã ghi nhận bà **T** và ông **D** không có nợ chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Văn M** buộc bà **Nguyễn Phương T** có trách nhiệm trả cho ông **M** số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không có cơ sở buộc ông **D** phải có trách nhiệm liên đới cùng bà **T** trả số tiền trên cho ông **M**.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9. 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Phạm Văn M.**

Buộc bà **Nguyễn Phương T** có trách nhiệm trả cho ông **Phạm Văn M** số tiền nợ vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc thực hiện trả tiền một lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy giấy mượn tiền (viết tay) ngày 13/11/2018 giữa ông **Phạm Văn M** và bà **Nguyễn Phương T**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Phương T** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông **Phạm Văn M** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AG/2011/06282 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Phúc